

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TP HN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/HC-ST

Ngày: 30/3/2021.

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Tiến Dung

Bà Đỗ Thị Thái

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quyền là Thư ký Tòa án nhân dân TP HN

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP HN tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trần Thắng – Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 và 30/03/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2020/TLST-HC ngày 31/3/2020 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXX-ST ngày 05/03/2021, giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Trọng), sinh năm 1960; vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố YN 1, phường LM, quận BTL, Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Phan H, sinh năm 1951; Địa chỉ: Tổ dân phố Trung 6, phường TT, quận BTL, Hà Nội và bà Lê Thị H, sinh năm 1994; Địa chỉ: xã TD, huyện KC, tỉnh HY theo hợp đồng uỷ quyền số công chứng 364.2021/HĐ-UQ ngày 14/01/2021 của Văn phòng công chứng Tây Đô; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

**Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND TP HN.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó chủ tịch UBND TP HN; vắng mặt.

## 2. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận BTL, TP HN

Đại diện theo pháp luật: ông Lưu Ngọc H, chức vụ: Chủ tịch UBND quận BTL, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND quận BTL: Ông Nguyễn Quang T; Chức vụ: Trung tâm phát triển quỹ đất quận BTL, vắng mặt.

### **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

#### 1. Ủy ban nhân dân phường LM, quận BTL, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: ông Đoàn Mạnh H, chức vụ: Phó chủ tịch UBND phường LM; vắng mặt.

#### 2. Hợp tác xã YN;

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Ch, chức vụ: Giám đốc Hợp tác xã YN; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 101/1 đường LM, Tổ dân phố YN 3, phường LM, quận BTL, Hà Nội.

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (con ông T); vắng mặt

4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985 (con ông T); vắng mặt

5. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987 (con ông T); vắng mặt

6. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991 (con ông T); có mặt tại phiên toà, vắng mặt khi tuyên án.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố YN 1, phường LM, quận BTL, Hà Nội.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T trình bày:** Năm 1981, gia đình ông được HTX YN giao diện tích đất nông nghiệp (bao gồm đất cấy lúa, đất trồng màu khu bãi và khu sống cao) để sản xuất theo mô hình kinh tế hộ (có xác nhận của HTX YN) với diện tích: 2.848m<sup>2</sup>. Năm 2001 gia đình ông được UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01142.QSĐĐ/1688 với diện tích 2.320m<sup>2</sup> gồm 06 thửa đất (đây là đất giao theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ).

- Thửa đất số 291, tờ bản đồ 16, diện tích 361 m<sup>2</sup>
- Thửa đất số 365, tờ bản đồ 15, diện tích 371 m<sup>2</sup>
- Thửa đất số 366, tờ bản đồ 15, diện tích 232 m<sup>2</sup>
- Thửa đất số 188 (1), tờ bản đồ 20, diện tích 373 m<sup>2</sup>
- Thửa đất số 202, tờ bản đồ 20, diện tích 509 m<sup>2</sup>

- Thửa đất số 212, tờ bản đồ 20, diện tích 474 m<sup>2</sup>

Ngoài ra diện tích 348m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 20 cũng được giao từ năm 1981 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này gia đình ông sử dụng ổn định từ lúc nhận giao khoán đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Ngày 11/4/2016, UBND quận BTL ra Quyết định số 1375/QĐ-UBND thu hồi 348m<sup>2</sup> đất gia đình được giao để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội trên địa bàn phường LM. Cùng ngày gia đình ông nhận được Quyết định số 1446/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất 348m<sup>2</sup> : 70.156.800 đồng
- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản : 57.161.521 đồng

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 127.318.321 đồng. Số tiền này gia đình đến nay chưa nhận.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ ông T làm đơn khiếu nại. Ngày 29/7/2016, ông nhận được Quyết định số 3386/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận BTL về việc giải quyết đơn khiếu nại có nội dung giữ nguyên Quyết định số 1375/QĐ-UBND và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình ông T.

Không đồng ý quyết định 3386/QĐ-UBND, ông T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND TP HN . Ngày 5/7/2019, ông T mới nhận được Quyết định số 6908/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND TP HN đề ngày 15/12/2016 với nội dung đồng ý với Quyết định 3386/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận BTL.

### **Lý do khởi kiện:**

- Hiện gia đình đang sử dụng 2.848m<sup>2</sup> nhưng thực tế mới được cấp GCNQSD đất là 2.320m<sup>2</sup>. Như vậy gia đình ông vẫn còn thiếu 528m<sup>2</sup> so với phương án được giao. Nay nhà nước thu hồi 348m<sup>2</sup> thì diện tích này phải được coi như đất được cấp GCNQSD đất.

- Trong phương án bồi thường, hỗ trợ gia đình ông không được hỗ trợ nghề là trái vắn bản 3599/UBND-ĐCNN ngày 9/6/2008 của UBND TP HN . Gia đình ông đủ điều kiện được hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với diện tích 348m<sup>2</sup> theo quy định tại khoản 9 điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 và điểm c khoản 1 điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007. Nay được thay thế bằng quy định tại điều 74,75,129 Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 Nghị định 47/CP, điểm e mục 5, khoản 1 mục 6 điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ.

Như vậy gia đình ông được bồi thường, hỗ trợ bổ sung như sau:

+ Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề:  $348\text{m}^2 \times 201.600 \text{ đồng} \times 5 = 350.784.000$  đồng.

+ Về tài sản trên đất: Bể xây, giếng, nhà nilong, hàng rào thép gai. Đây đều là công trình xây dựng phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường LM song được UBND phường LM tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý. Do đó, cần áp dụng khoản 2 điều 12 quyết định số 10/2017 của UBND TP HN để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng. Bao gồm:

Gạch xây:  $2,06 \times 1.315.288 \text{ đồng} \times 20\% = 541.898 \text{ đồng}$

Khối lượng trát:  $19,7 \times 47.291 \text{ đồng} \times 20\% = 186.326 \text{ đồng}$

Giếng khoan:  $209.000 \text{ đồng} \times 20\% = 41.800 \text{ đồng}$

Nhà lưới ni lông, khung tre:  $348 \times 10.000 \text{ đồng} \times 90\% = 3.132.000 \text{ đồng}$

Hàng rào lưới thép B40:  $594 \times 255.000 \text{ đồng} \times 90\% = 136.323.000 \text{ đồng}$

Tường xây 110:  $13,05 \times 594.000 \text{ đồng} \times 90\% = 6.976.000 \text{ đồng}$

**Tổng cộng là: 419.016.000 đồng**

Ngày 21/11/2019 và ngày 3/3/2020 ông Nguyễn Văn T nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án huỷ các quyết định:

- Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận BTL về phê duyệt phương án bồi thường.

- Quyết định số 3386/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận BTL về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Quyết định số 6908/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TP HN về việc giải quyết khiếu nại lần hai

- Yêu cầu UBND quận BTL phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông Nguyễn Văn T số tiền 419.016.000 đồng.

**Người bị kiện:**

### **1. Chủ tịch và UBND quận BTL trình bày:**

Ngày 23/4/2008, UBND TP HN ban hành Quyết định số 1462/QĐ-UBND về việc thu hồi  $2.036.618\text{m}^2$  đất tại các xã: Tây Tựu, LM, Thụy Phương, Minh Khai và Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm (thuộc UBND huyện Từ Liêm) để tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch chuẩn bị thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 02/12/2014, Hội đồng nhân dân TP HN đã có Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, danh mục dự án,

công trình chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ năm 2015 trên địa bàn Thành phố (trong đó có dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội).

Ngày 29/01/2015, UBND TP HN đã ban hành Quyết định số 443/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 quận BTL (trong đó có dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội).

### **Quá trình sử dụng đất:**

Khu xứ đồng Sóng cao thuộc thôn YN xã LM, huyện Từ Liêm, TP HN (nay là TDP YN, phường LM, quận BTL, TP HN ). Tại thời điểm giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, khu đất trên thuộc quỹ đất nông nghiệp được đưa vào để giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, Hợp tác xã YN có 02 đội sử dụng diện tích đất ngoài bãi sông Hồng và 01 đội sử dụng đất trong đồng (Khu sóng cao), các hộ có ý kiến nếu cấp sổ đỏ trong khu sóng cao thì phải cấp sổ cho cả khu ngoài bãi sông. Do đó, Hợp tác xã YN trước đây đã thống nhất để lại không giao diện tích đất Khu xứ đồng Sóng Cao.

UBND xã LM trước đây thực hiện việc giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ theo hình thức bình quân nhân khẩu trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất của các hộ sử dụng từ khoán 10, khoán 100 và cân đối diện tích hộ thừa cho hộ thiếu. Nhưng khi triển khai việc giao đất nông nghiệp đã không thực hiện được việc cân đối giữa các hộ sử dụng thừa và thiếu so với phương án cho các hộ gia đình, cá nhân. Dẫn đến hiện nay tại phường LM vẫn đang sử dụng tồn tại các hộ dân sử dụng thừa và các hộ dân sử dụng thiếu so với phương án.

Diện tích đất thuộc khu xứ đồng Sóng Cao không được thống kê vào hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình tại Phương án giao đất nông nghiệp chi tiết và được xác định là đất nông nghiệp không giao do UBND xã quản lý. Theo phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của UBND xã LM (nay là UBND phường LM), hộ gia đình ông Nguyễn Văn T có 07 nhân khẩu, được giao 1.806m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, hộ gia đình hiện đang sử dụng 2.848 m<sup>2</sup> đất. Trên thực tế hộ gia đình ông T đã được cấp GCNQSD đất: 2.320 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, so với hạn mức nhân khẩu trong phương án giao đất, thừa 514m<sup>2</sup>.

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T không thực hiện việc kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng tại Xứ đồng Sóng Cao và cũng không có khiếu nại, ý kiến về việc giao đất của UBND xã LM. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T vẫn sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại Khu Sóng cao từ thời điểm khoán 10, khoán 100 đến nay. UBND xã LM, UBND huyện Từ Liêm trước đây không thực hiện việc thu hồi lại diện tích đất nông nghiệp không giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T tại khu xứ đồng Sóng Cao để quản lý theo quy định và cũng không ký hợp đồng thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.

Diện tích 348m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 20 năm 1994 xã LM (nay là phường LM) do hộ gia đình ông Nguyễn Văn T đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không giao do UBND phường LM quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/CP).

Ngày 12/6/2008, Tổ công tác GPMB dự án có Biên bản điều tra, xác minh về đất thu hồi và tài sản trên đất.

Ngày 4/5/2015, UBND phường LM đã có xác nhận bổ sung về thời điểm sử dụng đất, gia đình sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Ngày 04/6/2015, UBND phường LM đã có xác nhận bổ sung về thời điểm xây dựng công trình trên đất. Việc xây dựng công trình vật kiến trúc không hợp pháp, không có văn bản xử lý ngăn chặn.

Ngày 11/4/2016, UBND quận BTL đã ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội và Quyết định số 1446/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn Thom.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 127.318.321 đồng, cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 70.156.800 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu: 45.012.000 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ công trình: 12.149.521 đồng (Trong đó: công trình xây dựng trước 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 80% đơn giá, công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ bằng 10% đơn giá).

#### **Việc giải quyết khiếu nại:**

Sau khi nhận được đơn của ông Nguyễn Văn T khiếu nại Quyết định số 1375/QĐ-UBND và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận BTL về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 27/6/2016, UBND phường LM có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường LM song đã được UBND phường LM tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND TP HN để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng.

Ngày 3/8/2016, Thanh tra Quận có Báo cáo số 313/BC-TTr báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn Thom.

Ngày 12/8/2016, Chủ tịch UBND quận BTL đã ban hành Quyết định số 3386/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và quyết định:

*“- Giữ nguyên Quyết định số 1375/QĐ-UBND và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận BTL.*

*- Giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Quận xem xét trình UBND Quận phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T theo hướng: Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.”*

Đến nay UBND quận BTL chưa ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án Bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T do dự án Xây dựng công nghệ cao sinh học chưa được gia hạn triển khai thực hiện dự án và chưa được ứng vốn nên chủ đầu tư chưa có cơ sở thực hiện.

Chủ tịch và UBND quận BTL đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP HN trình bày:**

Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Thơm, Ngày 15/12/2016, Chủ tịch UBND TP HN đã ban hành Quyết định số 6908/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai và quyết định “*Đồng ý Quyết định số 3386/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Chủ tịch UBND quận BTL.*

Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP HN khẳng định nội dung Quyết định số 6908/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định pháp luật. Đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP HN không có ý kiến gì khác với quan điểm đã thể hiện tại Quyết định nêu trên.

### **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

#### **1. Ủy ban nhân dân phường LM trình bày:**

Diện tích đất hộ gia đình sử dụng được HTX YN giao khoán từ năm 1981. Từ đó đến nay các hộ gia đình sử dụng đất ổn định, không tranh chấp.

Mục đích sử dụng đất tại thời điểm có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội là đất sản xuất nông nghiệp.

Việc giao đất cho các hộ gia đình:

Trên cơ sở phương án giao đất nông nghiệp tổng thể đã được các cấp phê duyệt, UBND xã LM lập phương án giao đất nông nghiệp chi tiết cho từng hộ gia đình theo từng HTX. Đối với HTX YN giao đất tính theo bình quân nhân khẩu trong hộ là 258m<sup>2</sup>/khẩu.

Khi thực hiện giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, diện tích đất của

các hộ không được đưa vào phương án giao đất chi tiết để cân đối giao cho các hộ gia đình.

## **2. Hợp tác xã YN trình bày:**

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T được HTX YN giao đất sản xuất nông nghiệp bao gồm cả phần diện tích khu Sóng cao từ thời điểm khoán 100 năm 1981 theo chỉ thị 100/CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về việc cải tiến hình thức giao khoán mở rộng đến từng hộ gia đình cá nhân. Tại thời điểm giao đất không có biên bản giao bằng giấy mà giao bằng miệng trực tiếp tại hiện trường và quản lý theo phương án thu sản phẩm một năm hai vụ của hợp tác xã; tuy nhiên do thời gian lâu ngày, phương án thời điểm đó không còn lưu trữ được. Đến năm 1988, khi thực hiện hình thức khoán 10 theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị thì diện tích sản xuất của hộ ông Nguyễn Văn T vẫn không thay đổi mà chỉ thay đổi sản lượng giao khoán. Năm 1994, khi lập bản đồ hiện trạng diện tích khu Sóng cao của hộ ông T được ghi số thửa 154, tờ bản đồ 20, diện tích 348 m<sup>2</sup>.

Năm 1999, khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo nghị định 64-NĐ/CP của Chính phủ thì địa phương (hội đồng giao đất xã) chỉ lập phương án cân đối trên giấy tờ chứ không giữ ra giao lại trong đó chỉ cân đối đất lúa hai vụ còn đất trồng màu gồm khu Sóng cao và đất bãi ngoài đê trung ương giữ nguyên không đưa vào cân đối. Chính vì vậy toàn bộ diện tích các hộ đang sử dụng gần như không có xáo trộn gì và hầu như người dân không quan tâm đến việc có được cấp giấy chứng nhận hay không vì họ vẫn sản xuất ổn định bình thường, vẫn giao nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với HTX từ năm 1981 đến nay.

Vì vậy, HTX YN xác nhận hộ ông Nguyễn Văn T vẫn sản xuất ổn định trên tổng diện tích được giao từ năm 1981 trong đó có phần diện tích khu Sóng cao thuộc thửa số 154 tờ bản đồ 20 hiện đang thuộc vị trí thu hồi thực hiện dự án khu Công nghệ cao sinh học Hà Nội. Thực hiện đóng, nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước và HTX từ năm 1981 đến nay.

**3. Các con của ông T gồm:** Chị Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Dịu và anh Nguyễn Văn Dũng thống nhất với lời khai của ông Nguyễn Văn T.

### **Tại phiên tòa:**

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu đề nghị hủy các quyết định hành chính như đã nêu ở trên.

### **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP HN :**

Về thời hiệu khởi kiện là đảm bảo theo quy định tại khoản 1, điểm a, khoản 2 điều 116 Luật tố tụng hành chính; Thẩm quyền giải quyết đúng quy định tại khoản 1 điều 3, khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 29 Luật tố tụng hành chính .



Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định của pháp luật.

Sau khi phân tích nguồn gốc đất, các căn cứ ban hành Quyết định hành chính, đại diện VKSNDTP Hà Nội đề nghị HĐXX:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T
- Về án phí HCST: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

#### **Về tố tụng:**

[1]. Về việc vắng mặt của Chủ tịch UBND TP HN ; Chủ tịch và UBND quận BTL, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND quận BTL, UBND phường LM, Hợp tác xã YN. Phiên tòa được mở lần thứ hai. Căn cứ điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Đối tượng khởi kiện trong vụ án là các Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận BTL về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3386/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Chủ tịch UBND quận BTL về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Quyết định số 6908/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TP HN về việc giải quyết khiếu nại lần hai. Đây là quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 điều 3 Luật tố tụng hành chính. Thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội được quy định tại khoản 3, khoản 4 điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi khiếu nại quyết định 3386/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận BTL, ngày 5/7/2019 ông Nguyễn Văn T mới nhận được quyết định số 6908/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TP HN . Ngày 21/11/2019 ông T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án là đảm bảo thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

#### **Xét quyết định hành chính bị khiếu kiện:**

[4] - Về thẩm quyền ban hành:

Theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 66, điểm a khoản 3 điều 69 Luật đất đai 2013, UBND quận BTL ban hành quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn T là đúng thẩm quyền.

Căn cứ quy định tại điều 17,18 Luật khiếu nại Chủ tịch UBND quận BTL ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND TP HN ban hành định giải quyết khiếu nại lần hai là đúng thẩm quyền.

Khi xét tính hợp pháp của các Quyết định bị khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét cả tính hợp pháp của Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận BTL về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T là quyết định có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện.

[5]. - Về nội dung của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Về nguồn gốc đất: Theo phương án chi tiết giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP năm 1993 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T (Trọng) lưu tại UBND phường LM thể hiện: số nhân khẩu được giao: 7 khẩu, diện tích được giao: 1.806m<sup>2</sup> (bình quân 258m<sup>2</sup>/khẩu). Ngày 14/12/2001 hộ gia đình ông T được UBND huyện Từ Liêm cấp GCNQSD đất diện tích 2.320m<sup>2</sup>. So với phương án giao đất thừa 514m<sup>2</sup>.

Ngoài diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP nêu trên, hộ gia đình ông T còn sử dụng 348m<sup>2</sup> đất nông nghiệp thuộc thửa 154 tờ bản đồ 20 năm 1994 từ trước thời điểm thực hiện giao đất theo Nghị định số 64/CP. Khi thực hiện chính sách giao đất theo Nghị định 64/CP Chính quyền địa phương không thực hiện bất kỳ biện pháp gì (thông báo, thu hồi lại, ký hợp đồng thuê thầu...) để quản lý đối với phần diện tích này.

Ngày 11/4/2016 UBND quận BTL ban hành quyết định thu hồi đất số 1375/QĐ-UBND thu hồi diện tích 348m<sup>2</sup> để thực hiện Dự án khu công nghệ cao Sinh học. Phần đất bị thu hồi là đất nông nghiệp không giao do UBND phường LM quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP). Cùng ngày 11/4/2016 UBND quận BTL ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1446/QĐ-UBND đối với hộ gia đình ông T.

Tại phương án bồi thường, hỗ trợ hộ gia đình ông T được bồi thường, hỗ trợ về đất theo giá đất nông nghiệp và hoa màu, công trình xây dựng trên đất. Ông T thắc mắc 02 nội dung là gia đình chưa được tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ và công trình xây dựng trên đất phải được tính 100% đơn giá xây dựng. HĐXX thấy rằng:

+ *Đối với hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:*

Nghị định 64/CP năm 1993 quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp có hiệu lực từ ngày 15/10/1993. Trong đó đã quy định “*Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ*”.

Theo quy định tại điều 3 Nghị định 64/CP đất giao cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định này là giao chính thức và được cấp GCNQSD đất.

Tại điều 13 Nghị định 64/CP quy định đối với đất vượt hạn mức của hộ gia đình được giải quyết như sau:

*1. Nếu đất đang sử dụng là đất được giao hợp pháp trước ngày 15/10/1993 hoặc do khai hoang, vỡ hoá thì được tiếp tục sử dụng và phải nộp thêm thuế bổ sung cho phần đất vượt hạn mức theo quy định của pháp luật.*

*Thời hạn sử dụng phần đất vượt hạn mức của hộ gia đình bằng 1/2 thời hạn giao đất theo quy định tại khoản 1 điều 4 của bản quy định này. Sau thời hạn đó nếu hộ gia đình có yêu cầu tiếp tục sử dụng thì được nhà nước cho thuê theo hợp đồng có thời hạn; nếu nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình được bồi hoàn theo quy định của nhà nước.*

Như vậy nhà nước có chính sách cân đối lại việc giao đất nông nghiệp cho các hộ dân từ ngày 15/10/1993 nên mọi chính sách giao đất trước đây được điều chỉnh theo Nghị định 64/1993. Hộ gia đình ông T đã được giao đủ đất và được nhà nước cấp GCNQSD đất. Phần đất ông T đang thắc mắc là đất không được giao theo Nghị định 64/CP. Theo quy định tại điều 13 Nghị định 64/CP, nhà nước sẽ phải thực hiện cho thuê theo hợp đồng có thời hạn. Ở đây UBND phường LM quản lý nhưng không ký hợp đồng thuê với các hộ là chưa thực hiện đúng chính sách của nhà nước.

Tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của ông T cho rằng đất các hộ được giao khoán từ năm 1981 (khoán 10, khoán 100) là đủ điều kiện được hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên như phân tích ở trên nhà nước đã cân đối giao ruộng cho hộ gia đình theo quy định tại Nghị định 64/CP năm 1993 nên phần đất vượt hạn mức được điều chỉnh theo chính sách thực tế ở địa phương. Lúc này không xác định các hộ dân vẫn được hưởng theo chính sách khoán 10, khoán 100 nữa mà Nghị định 64/CP đã quy định *Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.*

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T trình bày một số hộ dân ở phường LM, phường Tây Tựu bị thu hồi đất để thực hiện dự án có diện tích như gia đình bị thu hồi nhưng không được bồi thường, hỗ trợ nghề và tìm kiếm việc làm. Các hộ dân đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân TP HN đã căn cứ điều 74, điều 75 Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai xử hủy quyết định và chấp nhận phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp và Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Các hộ dân này đã được nhận tiền hỗ trợ theo quyết định của bản án phúc thẩm. Tuy nhiên đến nay các bản án này Tòa án nhân dân cấp cao đã xét xử

Giám đốc thẩm và quyết định hủy toàn bộ các Bản án sơ thẩm nói trên để xét xử lại theo thẩm quyền. Mặt khác, tại thời điểm hộ gia đình ông T bị thu hồi đất ngày 11/4/2016 khi đó Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 chưa có hiệu lực pháp luật (có hiệu lực từ ngày 03/3/2017). Tại Điều 5 của Nghị định có quy định về Điều khoản chuyển tiếp như sau: *“Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thi tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này”*. Như vậy, trường hợp của hộ gia đình ông T không được áp dụng các quy định của Nghị định 01/2017/NĐ-CP để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp.

+ *Đối với phần bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất:*

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của UBND phường LM, hộ gia đình ông Nguyễn Văn T xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã LM; Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014.

Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, UBND phường LM có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, các công trình xây dựng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn T phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường LM song đã được UBND phường LM tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND TP HN để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng.

Trên cơ sở xác nhận bổ sung của UBND phường LM, khi giải quyết khiếu nại lần đầu của ông T, Chủ tịch UBND quận BTL đã quyết định bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T tại quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3386/QĐ-UBND ngày 12/8/2016. UBND quận BTL có trách nhiệm thực hiện như nội dung đã giải quyết tại quyết định 3386/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Chủ tịch UBND quận BTL.

Chủ tịch UBND TP HN ban hành Quyết định số 6908/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Văn T theo đó giữ nguyên quyết định 3386/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật. Như vậy quyền lợi của gia đình về phần bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất đã được UBND quận BTL xem xét và có chính sách hỗ trợ bổ sung.

Các Quyết định số 1375/QĐ-UBND, 1446/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận BTL; quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3386/QĐ-UBND và

quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 6908/QĐ-UBND được ban hành là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

[6]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1960 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại điều 12 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T được miễn án phí HCST.

[7]. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Phan Hào và bà Lê Thị Hiền; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Dũng có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án không có lý do. Vì vậy căn cứ điều 206 Luật tổ tụng hành chính, thời hạn kháng cáo của đương sự này được tính kể từ ngày tuyên án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điều 30, điều 32; Điểm a khoản 2 Điều 193; điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; điều 62, điều 69, điều 77, điều 89 Luật Đất đai năm 2013; điều 31, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; khoản 1,3 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 12 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND TP HN .

Căn cứ điểm đ điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc huỷ các quyết định:

- Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận BTL về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết.

- Quyết định số 3386/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Chủ tịch UBND quận BTL về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Quyết định số 6908/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND TP HN về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013992 ngày 28.2.2020 tại Cục Thi hành án dân sự TP HN .

3. Ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP HN ;
- Cục THADS TP HN ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thuý Linh**